

Số: 160/2022/OD-SCBSBA

Quận 3, ngày 08 tháng 12 năm 2022

CTY XÂY DỰNG CN VÀ DD DẦU KHÍ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số...22...Ngày...30/11/2023...

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án lỗi thiếu sót do đánh máy trong Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 3 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí
Trụ sở: Số 35D, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Nguyên, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/4/2022).

Địa chỉ: 427/3, Đường Nguyễn An Ninh, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn
Trụ sở: Số 11Bis, Đường Nguyễn Gia Thiều, Phường 6 (nay là Phường Võ Thị Sáu), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/KDTM-ST ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 3 như sau:

Tại dòng thứ 16, 17, 18 từ trên xuống, trang 7 của Bản án đã ghi:

“2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí phải chịu 154.880.203 (Một trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn, hai trăm lẻ ba) đồng.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

“2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn phải chịu 154.880.203 (Một trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn, hai trăm lẻ ba) đồng.”./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Trần Thị Ánh Phượng

Bản án số: 36/2022/KDTM-ST

Ngày: 24-10-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
xây dựng”.

**CÓ HIỆU LỰC
ĐỂ THI HÀNH**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Nguyễn Kiên Hiền

2/- Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2021/TLST-KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 52/2022/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2022/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 9 năm 2022 và Thông báo đình chính số 1132/TB-TA ngày 03 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí
Trụ sở: Số 35D, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Nguyên, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/4/2022).

Địa chỉ: 427/3, Đường Nguyễn An Ninh, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn
Trụ sở: Số 11Bis, Đường Nguyễn Gia Thiều, Phường 6 (nay là Phường Võ Thị Sáu), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí có ông Nguyễn Văn Nguyên là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/5/2010 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) có ký kết Hợp đồng thi công xây lắp số 49A Công trình "PETROVIETNAM LANDMARK" gói thầu số 4 "thi công khối căn hộ gồm các hạng mục: Đài móng, tầng hầm và hệ thống cơ điện ngầm; Kết cấu phần thân; Công tác hoàn thiện; Công tác nhôm-kính (vách kính, cửa nhôm kính); Hệ thống cơ điện; Hệ thống thang máy và Hạng mục cảnh quan công trình của Block C và D". Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT tạm tính là 236.698.000.000 đồng.

Ngày 26/12/2010 giữa PVC-SG và PVC-IC ký phụ lục hợp đồng thi công xây lắp số 160/PLHĐTC-PVC-SG/PVC-IC, theo đó giá trị Hợp đồng tạm tính là 104.769.143.000 đồng; phạm vi công việc tại Điều 1 Phụ lục Hợp đồng. Giá trị Hợp đồng sẽ được điều chỉnh trong trường hợp bổ sung, điều chỉnh khối lượng thực hiện so với Hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, PVC-IC đã thực hiện đầy đủ hợp đồng, hợp đồng đã được thực hiện xong, tháng 8/2012 hai bên ký hồ sơ quyết toán, theo đó:

Tổng giá trị của hợp đồng (đã có VAT): 341.467.143.000 đồng
+ Giá trị của hợp đồng 49A (đã có VAT): 236.698.000.000 đồng;
+ Giá trị của hợp đồng 160 (đã có VAT): 104.769.143.000 đồng.
Giá trị quyết toán (đã có VAT): 131.206.883.212 đồng
+ Giá trị quyết toán HĐ 49A (đã có VAT): 31.790.169.212 đồng ;
+ Giá trị quyết toán HĐ 160 (đã có VAT): 99.416.714.000 đồng;
Giá trị công việc tăng thêm (đã có VAT): 0 đồng.
Giá trị đã thanh toán (đã có VAT): 105.110.757.287 đồng ;
Giá trị còn phải thanh toán (đã có VAT): 26.096.125.925 đồng.

Về giá trị hợp đồng đã được các bên thống nhất đồng ý thể hiện tại hồ sơ quyết toán đã được các bên ký, đóng dấu đầy đủ, đến nay PVC-SG vẫn còn nợ PVC-IC số tiền nợ gốc là 26.096.125.925 đồng.

PVC-IC cũng đã xuất hóa đơn VAT đầy đủ cho PVC-SG thể hiện tại các hóa đơn (đã bao gồm VAT):

+ Ngày 26/08/2010: 20.580.354.400 đồng;
+ Ngày 19/10/2010: 51.380.007.277 đồng;
+ Ngày 10/01/2011: 27.009.866.397 đồng;
+ Ngày 03/06/2011: 34.200.610.177 đồng;
+ Ngày 12/10/2011: 2.419.214.000 đồng.

Các hóa đơn VAT trên đây đã được PVC-IC giao đầy đủ cho PVC-SG bằng hình thức chuyển trực tiếp cho PVC-SG và đã được thể hiện trên sổ sách kế toán, đối chiếu công nợ qua các năm.

Tuy nhiên, kể từ ngày ký Quyết toán hợp đồng đến nay, mặc dù PVC-IC đã nhiều lần gửi Công văn và trực tiếp lên trụ sở PVC-SG để ký đối chiếu công nợ và đề nghị PVC-SG thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho PVC-IC (*xem công văn đề nghị thanh toán đính kèm*), nhưng đến nay đã hơn 8 năm kể từ ngày ký Quyết toán hợp đồng và cam kết thanh toán nhưng PVC-SG vẫn không phối hợp giải quyết dứt điểm vụ việc, vẫn chưa thanh toán khoản nợ còn lại cho PVC-IC. PVC-SG đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của PVC-IC, gián tiếp đẩy PVC-IC lâm vào tình trạng tài chính xấu, nợ tiền thuế và nợ đọng đối tác rất nhiều.

Từ những nội dung, căn cứ pháp lý trình bày trên, PVC-IC yêu cầu Tòa buộc PVC-SG phải thanh toán cho PVC-IC tổng số tiền nợ gốc cộng với số tiền lãi tạm tính trên tổng số nợ gốc đến ngày 01/01/2021 là: 46.880.203.489 (*Bốn mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm tám mươi chín*) đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 26.096.125.925 đồng; Số tiền lãi chậm trả tính trên tổng số nợ gốc 26.096.125.925 đồng tạm tính đến ngày 11/01/2021 theo mức lãi suất 0,03%/ngày là 20.784.077.564 đồng.

Ngày 04/5/2022 và sau đó là ngày 06/6/2022, PVC-IC có Đơn khởi kiện (bổ sung) yêu cầu Tòa tính lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 06/6/2022 với số tiền là 4.961.659.997 đồng. Tổng cộng số tiền PVC-IC yêu cầu Tòa buộc PVC-SG phải trả tổng số nợ gồm 31.057.785.922 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 26.096.125.925 đồng; số tiền nợ lãi là 4.961.659.997 đồng).

Ngày 08/6/2022, Tòa án nhân dân Quận 3 ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 522/TB-TA và ngày 09/6/2022, nguyên đơn PVC-IC nhận được Thông báo nêu trên. Tuy nhiên cho đến nay, nguyên đơn PVC-IC vẫn chưa nộp biên lai đóng tiền tạm ứng án phí cho Tòa để thể hiện thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí bổ sung cho yêu cầu bổ sung này.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí có ông Nguyễn Văn Nguyên là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày: Ông xác định Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại Đơn khởi kiện ngày 11/01/2021 về việc yêu cầu Tòa buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 46.880.203.489 (*Bốn mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm tám mươi chín*) đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó: Số tiền nợ gốc là 26.096.125.925 đồng; Số tiền lãi chậm trả tính trên tổng số nợ gốc 26.096.125.925 đồng là 20.784.077.564 đồng (số tiền lãi trên tổng số nợ gốc tạm tính đến ngày 11/01/2021 theo mức lãi suất 0,03%/ngày) theo Bảng kê tính lãi chậm trả ngày 31/12/2020 do Nguyên đơn lập. Do phía Nguyên đơn chưa nộp số tiền tạm ứng án phí bổ sung cho yêu cầu khởi kiện bổ sung tại Đơn khởi kiện ngày 04/5/2022 và ngày 06/6/2022 nên không yêu cầu Bị đơn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 12/01/2021 cho đến ngày Tòa xét xử.

- Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thi công xây lắp số 49A Công trình “PETROVIETNAM LANDMARK” gói thầu số 4 “thi công khối căn hộ gồm các hạng mục: Đài móng, tầng hầm và hệ thống cơ điện ngầm; Kết cấu phần thân; Công tác hoàn thiện; Công tác nhôm-kính (vách kính, cửa nhôm kính); Hệ thống cơ điện; Hệ thống thang máy và Hạng mục cảnh quan công trình của Block C và D” ngày 15/5/2010 và Phụ lục Hợp đồng thi công xây lắp số 160/PLHĐTC-PVC-SG/PVC-IC ngày 26/12/2010, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng xây dựng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2.]. Về thẩm quyền: Do Bị đơn có trụ sở chính tại số 11Bis, Đường Nguyễn Gia Thiều, Phường 6 (nay là Phường Võ Thị Sáu), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Ngày 16/5/2022, Tòa án nhân dân Quận 3 có ban hành Thông báo số 211.1/TB-TA yêu cầu sửa đổi, bổ sung giấy ủy quyền số 343/XLDKSG ngày 15/11/2021 của Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp dầu khí Sài Gòn ủy quyền cho ông Chu Văn Tiếp tuy nhiên bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn vẫn không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung giấy ủy quyền theo yêu cầu của Tòa. Bên cạnh đó, Bị đơn cũng đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1]. Về tiền gốc:

Ngày 15/5/2010, giữa Nguyên đơn và Bị đơn có ký kết Hợp đồng thi công xây lắp số 49A Công trình “PETROVIETNAM LANDMARK” gói thầu số 4 “thi công khối căn hộ gồm các hạng mục: Đài móng, tầng hầm và hệ thống cơ điện ngầm; Kết cấu phần thân; Công tác hoàn thiện; Công tác nhôm-kính (vách kính, cửa nhôm kính); Hệ thống cơ điện; Hệ thống thang máy và Hạng mục cảnh quan công trình của Block C và D” với giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) được tạm tính theo Tổng mức đầu tư tương ứng với các hạng mục gói thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 236.698.000.000 (Hai trăm ba mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi tám triệu) đồng (chưa bao gồm giảm giá 3%), là tổng số tiền để Bên B (Nguyên đơn) thực hiện tất cả các hạng mục công việc mô tả trong Hợp đồng này tuân theo tất cả các điều khoản trong Hợp đồng. Giá trị hợp đồng này là tổng giá trị các Phụ lục Hợp đồng của các hạng mục trong gói thầu này.

Ngày 26/12/2010, giữa Nguyên đơn và Bị đơn có ký kết Phụ lục Hợp đồng thi công xây lắp số 160/PLHĐTC-PVC-SG/PVC-IC với giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) là 104.769.143.000 (Một trăm lẻ bốn tỷ, bảy trăm sáu mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn) đồng; các khoản khấu trừ gồm: Phí thầu phụ 0,8% là 838.153.000 đồng, kinh phí nộp PVC 1,5% là 1.571.537.000 đồng. Giá trị hợp đồng sau khi khấu trừ là 102.359.453.000 (Một trăm lẻ hai tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

Tháng 8/2012, Nguyên đơn và Bị đơn ký Bảng tổng hợp giá trị quyết toán công trình “PETROVIETNAM LANDMARK APARTMENT”, hạng mục: Phần thân- Block C&D, qua đó thể hiện:

- Tổng Giá trị của Hợp đồng (đã có VAT) gồm: Giá trị của Hợp đồng 49A (đã có VAT) và Giá trị của Phụ lục Hợp đồng 160 (đã có VAT) là:

$$236.698.000.000 \text{ đồng} + 104.769.143.000 \text{ đồng} = \underline{341.467.143.000 \text{ đồng.}}$$

- Giá trị quyết toán (đã có VAT) gồm: Giá trị quyết toán Hợp đồng 49A (đã có VAT) và Giá trị quyết toán Phụ lục Hợp đồng 160 (đã có VAT) là:

$$31.790.169.212 \text{ đồng} + 99.416.714.000 \text{ đồng} = \underline{131.206.883.212 \text{ đồng.}}$$

- Giá trị công việc tăng thêm (đã có VAT): 0 đồng.

- Giá trị đã thanh toán (đã có VAT): 105.110.757.287 đồng.

- Giá trị còn phải thanh toán (đã có VAT) là:

$$131.206.883.212 \text{ đồng} - 105.110.757.287 \text{ đồng} = 26.096.125.925 \text{ đồng.}$$

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận, buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 26.096.125.925 (Hai mươi sáu tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.2.] Về số tiền lãi do chậm thanh toán:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2021, cũng như các lời khai trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền

lãi do chậm thanh toán công nợ còn lại tính đến ngày 11/01/2021 (theo Bảng kê tính lãi chậm trả ngày 31/12/2020 do Nguyên đơn lập) với mức lãi suất 0,03%/ngày, tức 09%/tháng, tức 10,8%/năm với số tiền là 20.784.077.564 (Hai mươi tỷ, bảy trăm tám mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm sáu mươi bốn) đồng.

Căn cứ Công văn số 2476/CNTPHCM-KHTH ngày 17/6/2022 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì mức lãi suất nợ quá hạn (đối với khách hàng là doanh nghiệp) là: 150% lãi suất cho vay trong hạn, tức $150\% \times 9\%/năm = 13.5\%/năm$.

Căn cứ Công văn số 2225/CV-QLN.22 ngày 27/6/2022 của Ngân hàng TMCP Á Châu thì mức lãi suất nợ quá hạn (đối với khách hàng là doanh nghiệp) là: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tức $150\% \times 9\%/năm = 13.5\%/năm$.

Căn cứ Công văn số 7863/HCM-TH ngày 14/7/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì mức lãi suất nợ quá hạn (đối với khách hàng là doanh nghiệp) là: 150% lãi suất cho vay trong hạn, tức $150\% \times 11.10\%/năm = 16.65\%/năm$.

Như vậy, lãi suất trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng Thương mại là: $13.5\%/năm + 13.5\%/năm + 16.65\%/năm = 14.55\%/năm$.

Như vậy, Nguyên đơn yêu cầu lãi suất chậm thanh toán là 10,8%/năm là có lợi cho Bị đơn, nghĩ nên chấp nhận.

Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải thanh toán làm một lần số tiền 46.880.203.489 (Bốn mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm tám mươi chín) đồng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó: Số tiền nợ gốc là 26.096.125.925 đồng; số tiền lãi chậm trả là 20.784.077.564 đồng (tạm tính đến ngày 11/01/2021 theo mức lãi suất 0,03%/ngày) theo Bảng kê tính lãi chậm trả ngày 31/12/2020 do Nguyên đơn lập.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí:

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí tổng số tiền 46.880.203.489 (*Bốn mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu, hai trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm tám mươi chín*) đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó: Số tiền nợ gốc là 26.096.125.925 đồng, số tiền nợ lãi là 20.784.077.564 đồng.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn chậm thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí phải chịu 154.880.203 (*Một trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi nghìn, hai trăm lẻ ba*) đồng.

Trả lại cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí số tiền 77.440.102 (*Bảy mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, một trăm lẻ hai*) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007440 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trần Thị Ánh Phượng